

Bản án số: 106/2017/HS-PT
Ngày 28-11-2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quốc Hương

Các Thẩm phán: Ông Đỗ Đồng Chung và ông Nguyễn Văn Thuyên

Thư ký phiên tòa: Bà Mã Thị Kỳ – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tố Quyên – Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 28 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 95/2017/HSPT ngày 19 tháng 10 năm 2017 đối với bị cáo: Trần Đ, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 24/2017/HSST ngày 30 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

Bị cáo có kháng cáo:

Trần Đ, sinh năm 1945 tại Quảng Trị; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Bon Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông; chỗ ở hiện nay: thôn H, xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận; trình độ văn hóa: 10/10; nghề nghiệp: làm nông; con ông Trần T (đã chết) và con bà Lê Thị T (đã chết); Có vợ là Nguyễn Thị Hồng C sinh năm 1954 và 03 con lớn nhất sinh năm 1974 và nhỏ nhất sinh năm 1990; bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 15-3-2016 đến ngày 23-5-2016. Hiện bị cáo đang tại ngoại – Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trước năm 2007, Đ giữ chức vụ Tổ trưởng tổ vay vốn của thôn 7, xã Q, huyện Đ (nay là Bon Đ, xã Đ, huyện T) được Ngân hàng chính sách xã hội (viết tắt NHCSXH) huyện Đ (nay là huyện T) ủy nhiệm việc thu tiền lãi của các hộ dân vay vốn trong tổ. Ngày 01-01-2007 huyện T được thành lập nên các hồ sơ vay vốn của các hộ dân thôn 7, xã Q, huyện Đ cũ được chuyển giao cho NHCSXH huyện T

quản lý. Đến ngày 16-5-2007, Trần Đ được Ban chấp hành Hội cựu chiến binh (viết tắt HCCB) huyện T, tỉnh Đắk Nông chuẩn y chức vụ Phó chủ tịch HCCB xã Đ nên Đ đại diện HCCB xã ký kết với NHCSXH huyện Đ (*nay là huyện T*) hợp đồng ủy thác về việc cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác (Sau khi được bổ nhiệm, Đ không có quyền hạn, trách nhiệm được trực tiếp thu bất cứ khoản tiền vay nào từ các hộ dân vay vốn mà chỉ phụ trách giám sát, quản lý chung các tổ vay vốn trên địa bàn xã Đ (*các tổ do HCCB xã quản lý*)). Theo đó, Đ là người đại diện cho HCCB xã thực hiện công tác chỉ đạo, theo dõi, kiểm tra quá trình sử dụng vốn và trả nợ của các hộ vay vốn NHCSXH huyện tại địa bàn xã nhưng không có quyền hạn thu tiền gốc, tiền lãi và tiền tiết kiệm của các hộ vay vốn. Quá trình thực hiện nhiệm vụ, từ năm 2007 đến năm 2009 Đ đã lợi dụng chức vụ và sự tin tưởng của các hộ dân vay vốn NHCSXH, cũng như các Tổ trưởng tổ vay vốn đối với mình để chiếm đoạt tài sản.

Trước hết Đ đã chủ động đến các hộ gia đình Điều K, Điều T, Điều X, Thị M, Thị W (*cùng trú tại Bon Đ, xã Đ*) đôn đốc và thu tiền lãi và tiền gốc để Đ đi trả nợ cho NHCSXH huyện T đúng kỳ hạn. Do trước năm 2007 Đ là tổ trưởng tổ vay vốn và đã nhiều lần thu lãi của các hộ dân trên nên các hộ dân đã tin tưởng Đ giao cho Đ tiền gốc và tiền lãi lần lượt như sau: Điều K số tiền 5.000.000 đồng; Điều T số tiền 5.000.000 đồng; Điều X số tiền 5.000.000 đồng; Thị M số tiền 10.000.000 đồng; Thị W số tiền 10.000.000 đồng. Sau khi thu được tiền của các hộ dân trên, Đ không mang nộp cho NHCSXH huyện T mà sử dụng vào mục đích tiêu xài cá nhân.

Đến ngày 17-6-2009, Đ cùng Triệu Thị B, trú tại Bon Đ, xã Đ là Tổ trưởng tổ vay vốn của Bon Đ đến nhà Thị N trú cùng bon để thu tiền lãi của Thị N đang nợ NHCSXH huyện T. Tại nhà chị Thị N thì chị N có nhờ chị B thu hộ tiền gốc của mình với số tiền 10.000.000 đồng và thu tiền gốc của hộ gia đình Thị P, hộ gia đình Thị H, hộ gia đình Thị G, hộ gia đình Thị G cùng trú tại Bon Đ với số tiền 10.000.000 đồng để nộp trả luôn cho NHCSXH huyện T thì Triệu Thị B đồng ý, chị B trực tiếp thu tiền còn Đ viết biên lai, ký tên, đóng dấu của HCCB xã Đ vào chữ ký của mình. Tổng cộng, Triệu Thị B đã thu tiền gốc của 05 hộ gia đình trên với số tiền 50.000.000 đồng. Sau đó, chị B mang tiền về nhà quản lý và chuẩn bị đi nộp cho NHCSXH huyện T thì Đ liên tục đến nhà chị B để mượn tiền số tiền đã thu được của các hộ dân, vì tin tưởng Đ nên chị B đã giao số tiền 50.000.000 đồng tiền gốc và số tiền 1.755.000 đồng tiền lãi cho Đ mượn và thỏa thuận đến kỳ hạn trả nợ thì Đ phải mang số tiền trên nộp cho NHCSXH huyện T thì Đ đồng ý. Sau khi có số tiền trên thì Đ đã dùng vào mục đích tiêu xài cá nhân và đến thời hạn trả nợ cho Ngân hàng Đ đã không trả. Đến ngày 30-6-2009 cũng với hành vi trên, Đ đã đến nhà chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1976 trú tại Bon Philote 1, xã Đ là Tổ trưởng tổ vay vốn của Bon Đ để đôn đốc việc thu tiền lãi của các tổ viên vay vốn do chị L làm Tổ trưởng. Tại nhà chị L thì có Điều H đến nộp tiền lãi và nhờ chị L thu luôn tiền gốc nhưng chị L không đồng ý thu tiền gốc mà chỉ thu tiền lãi, thấy vậy Đ nói với chị L cứ thu tiền gốc của anh Điều H rồi đưa lại cho Đ để Đ nộp giùm cho, tin tưởng Đ nên chị L đã thu số tiền gốc của Điều H số tiền 20.000.000 đồng. Sau đó đến khoảng 18 giờ cùng ngày, chị L mang số tiền 20.000.000 đồng đã thu của Điều H đưa cho Đ để Đ nộp giùm cho Ngân hàng nhưng đến kỳ hạn nộp tiền Đ

cũng không nộp mà sử dụng số tiền trên vào mục đích cá nhân. Đến ngày 21-8-2009, Ngân hàng phát hiện vụ việc và yêu cầu Đ nộp trả lại số tiền đã thu nợ của các hộ gia đình trên cho Ngân hàng thì Đ đã lần lượt nộp trả cho Ngân hàng như sau: Điều K số tiền 5.000.000 đồng; Điều T số tiền 5.000.000 đồng; Điều X số tiền 5.000.000 đồng; Thị M số tiền 10.000.000 đồng; Thị W số tiền 5.000.000 đồng. Đối với số tiền mà Trần Đ thu của Thị W 5.000.000 đồng; Triệu Thị B 51.755.000 đồng; Nguyễn Thị L 20.000.000 đồng, Đ không trả lại cho Ngân hàng, sau đó Đ đã bán nhà bỏ trốn khỏi địa phương để chiếm đoạt toàn bộ số tiền 76.755.000 đồng. Đến ngày 14-3-2016 Đ bị bắt theo Quyết định truy nã của cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tuy Đức và vụ án được phục hồi điều tra xử lý theo quy định của pháp luật.

Quá trình điều tra những người bị hại Triệu Thị B đã trả số tiền 51.755.000 đồng và Nguyễn Thị L trả số tiền 20.000.000 đồng và Thị W số tiền 5.000.000 đồng cho NHCSXH.

Về phần bồi thường thiệt hại: Người bị hại Triệu Thị B yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 51.755.000 đồng và chị Nguyễn Thị L yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 20.000.000 đồng; Thị W yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 5.000.000 đồng do hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra.

Bản án Hình sự sơ thẩm số: 24/2017/HSST ngày 30 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân huyện Tuy Đức đã quyết định: Tuyên bố bị cáo Trần Đ phạm các tội “*Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản*” và tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 280; điểm d khoản 2 Điều 140; điểm b, m, p khoản 1 khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 và Điều 50 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Đ 01 (Một) năm tù về tội “*Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản*” và 02 (Hai) năm tù về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”. Buộc bị cáo phải chấp hành chung của hai tội là 03 (Ba) năm tù. Khấu trừ đi thời gian bị cáo đã bị tạm giam từ ngày 15-3-2016 đến ngày 23-5-2016.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, án phí và thông báo quyền kháng cáo.

Ngày 02-9-2017, bị cáo Trần Đ kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm cho bị cáo được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Trần Đ có đơn xin xét xử vắng mặt với lý do bị cáo bị bệnh nặng không thể có mặt tham gia phiên tòa. Tại đơn xin vắng mặt của bị cáo, bị cáo thừa nhận Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về các tội danh nêu trên là đúng, không oan. Tuy nhiên, do đang bị bệnh nên bị cáo xin được hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông, sau khi phân tích các tình tiết của vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 248 của Bộ luật Tố tụng Hình sự không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Đ, giữ N Bản án sơ thẩm số: 24/2017/HSST ngày 30-5-2017 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Bản án hình sự sơ thẩm số: 24/2017/HSST ngày 30 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức đã kết án bị cáo Trần Đ về tội “*Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản*” theo khoản 1 Điều 280 và tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo điểm d khoản 2 Điều 140 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật, không oan.

[2]. Xét nội dung kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo là tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Tại giai đoạn phúc thẩm bị cáo không cung cấp thêm được tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới. Mặt khác, căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đối chiếu với quy định tại Điều 60 của Bộ luật Hình sự được hướng dẫn tại nghị quyết số 01/2013/NQ-HĐTP ngày 06-11-2013 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì bị cáo không đủ điều kiện được hưởng án treo, do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo.

[3]. Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Trần Đ phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[4]. Đối với các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 248 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2003,

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Đ, giữ N bản án sơ thẩm số: 24/2017/HSST ngày 30 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức về hình phạt.

Áp dụng khoản 1 Điều 280; điểm d khoản 2 Điều 140; điểm b, m, p khoản 1 khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 và Điều 50 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Đ 01 (Một) năm tù về tội “*Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản*” và 02 (Hai) năm tù về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”. Buộc bị cáo phải chấp hành chung của hai tội là 03(Ba) năm tù, được trừ thời gian bị cáo đã bị tạm giam từ ngày 15-3-2016 đến ngày 23-5-2016.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 99 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; áp dụng điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Trần Đ phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Tp. HCM;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- Phòng HSNVCS – CA tỉnh Đắk Nông;
- CA huyện T;
- TAND huyện T;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Bị cáo;
- Lưu: THCTP, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Lê Quốc Hương